TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 832/2022/HC-PT Ngày 29 - 9 - 2022 V/v quyết định quyết định hành chính, hành vi hành chính	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Vân

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Nguyễn Văn Tửu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 465/2022/TLPT-HC ngày 10 tháng 8 năm 2022 về việc: "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 404/2022/HC-ST ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1886/2022/QĐPT-HC ngày 08 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T

Địa chỉ: 32/153, đường Ô, Phường 14, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Tiến S, sinh năm 1973, địa chỉ: 125/48/5 đường Lê Đức Thọ (số cũ D6 đường 26/3), khu phố 11, phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền công chứng số 09551 ngày 12/6/2019).

Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng địa chỉ: 521, đường K, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Nguyễn Minh N, chức vụ: Phó Chủ tịch, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 2661/UBND ngày 27/1/2022).

- Ông Vũ Chí K, chức vụ: Phó Chủ tịch, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 396/UBND ngày 27/1/2022 và Giấy ủy quyền số 397/UBND ngày 27/01/2022).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Minh N, chức vụ: Phó Trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng

Địa chỉ: 521, đường K, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người kháng cáo: Người bị kiện Chủ tịch UBND quận B và Ủy ban nhân dân quận B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cũng như lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Tiến S trình bày:

Kể từ ngày Bản án số 04/2012/HC-ST ngày 05/6/2012 của Tòa án nhân dân quận B có hiệu lực pháp luật là ngày 21/6/2012, ông H bà T đã rất nhiều lần nộp đơn để yêu cầu Ủy ban nhân dân quận B, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B giải quyết bồi thường về đất. Đến ngày 12/3/2015, ông H bà T mới nhận được Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 19/01/2015 của Ủy ban nhân dân quận B, nhưng quyết định này vẫn không đề cập gì đến việc bồi thường cho số đất đã bị thu hồi, nên ông H bà T đã làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân quận B phải bồi thường, giải quyết đúng quy định pháp luật.

Ngày 04/4/2017, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận B có Công văn số 713/BBT trả lời đơn kiến nghị ngày 14/11/2016 của ông H bà T về việc thu hồi đất mà không bồi thường. Không đồng ý, ngày 14/11/2017 ông H bà T tiếp tục có đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân quận B bồi thường về đất và ngày 17/01/2018 ông H bà T nhận được Công văn số 112/UBND ngày 12/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B. Theo nội dung văn bản này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B viện lý do không có kinh phí bồi thường để quay trở lại vấn đề cũ; một lần nữa, không giải quyết bồi thường về đất cho ông H bà T.

Do đó, ông H bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy bỏ Công văn số 112/UBND ngày 12/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B; Buộc Ủy ban nhân dân quận B giải quyết bồi thường về đất khi thu hồi phần đất diện tích 252,4 m^2 của ông H bà T để phục vụ dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Hương Lộ 2.

Tại bản trình bày ý kiến của đại diện người bị kiện Ủy ban nhân dân quận B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B vào các ngày 21/10/2019, 12/5/2021, 01/4/2022 như sau:

Ngày 12 tháng 01 năm 2018, Ủy ban nhân dân quận B ban hành văn bản số 112/UBND về trả lời đơn đề ngày 14/11/2017 của ông H, được thực hiện theo trình tự, thủ tục hành chính thông thường nhằm trao đổi thông tin giữa nhà nước với công dân, không có tính chế tài hay bắt buộc nên việc ông H yêu cầu hủy bỏ là không cần thiết.

Về dự án nâng cấp, mở rộng đường Hương Lộ 2, quận B được thực hiện theo Phương án số 391/PAHT ngày 03/8/2007 của Hội đồng bồi thường dự án, được Ủy ban nhân dân quận B phê duyệt tại Quyết định số 3835/QĐ-UBND ngày 08/8/2007. Phương thức thực hiện dự án "Nhà nước và nhân dân cùng làm" theo chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt tại Quyết định số 4252/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2006, trong đó không phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất, cụ thể: tại Khoản 10 Điều 1 của Quyết định có nêu: "Phương án bồi thường giải phóng mặt bằng: Ủy ban nhân dân quận B vận động dân hiến đất làm đường, ngân sách thành phố hỗ trợ chi phí bồi thường vật kiến trúc".

Ngày 08 tháng 8 năm 2007, Ủy ban nhân dân quận B ban hành quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ vật kiến trúc trong dự án, tại Điều 1 quyết định cũng xác định: "Phê duyệt phương án hỗ trợ về vật kiến trúc trong dự án".

Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, đa số người dân đồng tình hiến đất làm đường, nhận hỗ trợ vật kiến trúc, đến nay dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, có 03/556 hộ không đồng ý chủ trương hiến đất và yêu cầu bồi thường về đất, trong đó có ông H và bà T.

Tuy chưa đồng ý chủ trương hiến đất, nhưng tại thời điểm dự án triển khai thi công, ông H và bà T đã tự nguyện bàn giao mặt bằng cho dự án, Ủy ban nhân nhân quận luôn ghi nhận và rất trân trọng sự đóng góp to lớn của người dân, góp phần vào sự phát triển hạ tầng, chỉnh trang đô thị và phát triển kinh tế chung của quận.

Vì mục tiêu của dự án là phục vụ lợi ích của cộng đồng cư dân trên địa bàn quận, qua đó cũng làm tăng giá trị sử dụng đất của người dân. Hiện nay, phần nhà, đất của ông H bà T (phần đất còn lại) cũng đã chuyển nhượng qua nhiều đời chủ, thay đổi pháp lý chủ sử dụng đất. Ngoài ra, dự án không được duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất, hiện nay dự án cũng đã kết thúc, đưa vào sử dụng, đã thực hiện việc quyết toán, nên không thể thực hiện việc bồi thường đất theo yêu cầu của ông H và bà T. Do đó, yêu cầu của ông H bà T về bồi thường đất là không có cơ sở.

Ngoài ra, liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ đối với ông (bà) Nguyễn Văn H trong dự án nâng cấp, mở rộng đường Hương Lộ 2, quận B, Ủy ban nhân dân quận B đã có Công văn số 1472/UBND ngày 15/10/2012 và Công văn số 1829/UBND ngày 31/5/2021 gửi Ban Chỉ đạo bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Thành phố, đến ngày 17/11/2021 Ban Chỉ đạo bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành phố có Công văn số 213/BCĐBT đề nghị Ủy ban nhân dân quận B thực hiện đúng chủ trương của dự án là "Nhà nước và nhân dân cùng làm". Trường hợp người dân không đồng ý hiến đất mở đường, đề nghị Ủy ban nhân dân quận

B thực hiện trình tự thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện như sau: Do dự án được thực hiện theo chủ trương nhà nước và nhân dân cùng làm đã thực hiện xong, nên Công văn số 112 trả lời đơn của ông H bà T về việc không có kinh phí bồi thường về đất, nghĩa là không được duyệt kinh phí nên không bồi thường, hiện là vẫn vận động người dân tự nguyện hiến đất. Ông H bà T không thuộc trường hợp không được bồi thường về đất theo Điều 43 Luật đất đai năm 2003, nếu theo quy định pháp luật thì được bồi thường.

Tại Bản án số 404/2022/HC-ST ngày 04 tháng 4 năm 2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào Điểm b, Điểm c Khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206, Điều 213 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T.

2. Hủy bỏ phần I về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất của Bảng chiết tính giá trị bồi thường, hỗ trợ số 02/BBT ngày 13/01/2015 được đính kèm theo Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 19/01/2015 của Ủy ban nhân dân quận B.

Hủy bỏ Công văn số 713/BBT ngày 04/4/2017 của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận B.

Hủy bỏ Công văn số 112/UBND ngày 12/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B.

3. Buộc Ủy ban nhân dân quận B xem xét, giải quyết việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất theo quy định của pháp luật, đối với phần đất diện tích 252,4 m^2 thuộc thửa số 286, tờ bản đồ số 05 (theo tài liệu 02/CT-UB Bộ địa chính xã Bình Trị Đông), tương ứng một phần thửa số 51, tờ bản đồ số 32 (theo tài liệu đo năm 2005 Bộ địa chính phường Bình Trị Đông), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1472/QSDĐ/UB-BTĐ của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh (cũ) cấp ngày 06/6/1998, do ông Nguyễn Văn H ngụ tại số 32/153, đường Ông Ích Khiêm, Phường 14, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh sử dụng, bị thu hồi theo Quyết định số 8489/QĐ-UBND ngày 29/6/2010 và Quyết định điều chỉnh thu hồi đất thổ vườn thành đất ao số 3370/QĐ-UBND ngày 24/2/2011của Ủy ban nhân dân quận B, để thực hiện dự án nâng cấp và mở rộng đường Hương Lộ 2 tại phường Bình Trị Đông và Bình Trị Đông A, quận B.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022 người bị kiện UBND quận B và Chủ tịch UBND quận B kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do người khởi kiện yêu cầu hủy văn bản số 112/UBND ngày 12/01/2018 của Ủy ban nhân dân quận B nhưng Tòa án lại tuyên hủy Quyết định 152/QĐ-UBND ngày 19/01/2015 của UBND quận B và hủy bỏ công văn số 713/UBND ngày 04/4/2017 của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận B là không đúng theo nội dung khởi kiện. Dự án thực hiện từ năm 2007 dự án nhà nước và nhân dân cùng làm. Hiện nay dự án đã hoàn thiện năm 2009 và kết thúc năm 2010 đã quyết toán hết nên dự án không còn nên có bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử phúc thẩm vụ án theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung: Ông H, bà L có đầy đủ các điều kiện để được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Luật đất đai năm 2003, điểm 1 Phần hai của Phương án hỗ trợ số 391 ngày 03/8/2007 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng dự án theo Quyết định duyệt phương án hỗ trợ vật kiến trúc số 3835 ngày 08/8/2007 của UBND quận B, Điều 43 Luật Đất đai năm 2003, khoản 3 Điều 2 Nghị định số 197/2004 về việc nhà nước khuyến khích tự nguyện hiến tặng cho nhà nước. UBND quận B ban hành Quyết định số 152, công văn 713, công văn 112 không bồi thường về đất của ông H, bà Loan là không có cơ sở. Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ. Người bị kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nào có thể làm thay đổi nội dung giải quyết vụ án nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về đối tượng khởi kiện: Ông H bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy bỏ Công văn số 112/UBND ngày 12/01/2018 (của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B; Buộc Ủy ban nhân dân quận B giải quyết bồi thường về đất khi thu hồi phần đất diện tích 252,4 m^2 thuộc mặt tiền đường Hương Lộ 2 của ông H và bà T để phục vụ dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Hương Lộ 2, là loại khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư là đối tượng khởi kiện hành chính theo Khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính.

Về thẩm quyền: Theo khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính, người khởi kiện khởi kiện vụ án hành chính đối với quyết định trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về thời hiệu: Ngày 17/01/2018 ông H, bà T nhận được Công văn số 112, đến ngày 14/01/2019 nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận B và ngày

16/01/2019 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là còn trong thời hiệu khởi kiện theo Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Xét kháng cáo của người bị kiện:

[2.1] Tại đơn kháng cáo người bị kiện đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì cho rằng ông H, bà T chỉ khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 112/UBND ngày 12/01/2018 của UBND quận B nhưng bản án sơ thẩm tuyên hủy cả Quyết định hỗ trợ thiệt hại hoa màu số 152/QĐ-UBND và Công văn số 713/BBT là không đúng bản chất sự việc, không đúng nội dung đơn khởi kiện của người khởi kiện. Xét thấy, tại đơn khởi kiện người khởi kiện yêu cầu 2 nội dung gồm: Hủy bỏ công văn số 112 và yêu cầu người có thẩm quyền phải thực hiện bồi thường phần đất 252,4m^2 đã bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi xác định việc hỗ trợ thiệt hại về hoa màu cho ông H theo phần I Bản chiết tính số 02/BBT ngày 13/01/2015 đính kèm Quyết định số 152, Công văn số 713 và Công văn số 112 là không đúng quy định nên Tòa án sơ thẩm tuyên hủy phần I Bảng chiết tính số 02/BBT ngày 13/01/2015 đính kèm quyết định 152, công văn số 713, công văn số 112 là đúng quy định về phạm vi khởi kiện và thẩm quyền của Hội đồng xét xử sơ thẩm theo quy định tại Điều 193 Luật tố tụng hành chính để giải quyết triệt để nội dung vụ án về các quyết định hành chính có liên quan.

[2.2] Về nội dung các quyết định:

Tại thời điểm thu hồi đất năm 2010 – 2011 ông H, bà T không đồng ý hiến đất theo Bản án số 04/2012/HC-ST ngày 05/6/2012 của Tòa án nhân dân quận B đã nhận định và có hiệu lực. Ông H và bà T có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên thuộc trường hợp được bồi thường về đất theo khoản 1 Điều 42 Luật Đất đai năm 2003 và điểm 1 Phần 2 Phương án hỗ trợ số 391 ngày 03/8/2007 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng dự án. Rà soát các quy định của Luật đất đai năm 2003 (Điều 43 quy định về các trường hợp thu hồi đất mà không bồi thường) và các quy định có liên quan không có quy định nào về việc không bồi thường, hỗ trợ về đất khi người dân không đồng ý hiến đất và do không có kinh phí bồi thường về đất.

Căn cứ Công văn số 213/BCĐBT ngày 17/11/2021 của Ban chỉ đạo bồi thường, hỗ trợ tái định cư Thành phố Hồ Chí Minh xác định: "Trường hợp người dân không đồng ý hiến đất mở đường, đề nghị UBND quận B thực hiện trình tự thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật".

Căn cứ Thông báo số 270/TB-VP ngày 04/5/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: "Nghiêm cấm các hành vi áp đặt trong việc vận động, vì sự tự nguyện của người này mà gây ảnh hưởng đến quyền lợi của người khác".

Như vậy, tại thời điểm thu hồi phần đất của ông H bà T vào năm 2010-2011 được áp dụng theo Luật đất đai năm 2003. Ông H bà T bị thu hồi đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc trường hợp được bồi thường về đất theo Khoản 1 Điều 42 Luật đất đai năm 2003, Điểm 1 Phần hai của Phương án hỗ trợ số 391 ngày 03/8/2007 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng dự

án theo Quyết định duyệt phương án hỗ trợ vật kiến trúc số 3835 ngày 08/8/2007 của Ủy ban nhân dân quận B. Ông H, bà Loan có đầy đủ các điều kiện để được bồi thường về đất. UBND quận B ban hành Quyết định số 152, công văn 713, công văn 112 không bồi thường về đất của ông H, bà L là không có cơ sở. Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ. Người bị kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nào có thể làm thay đổi nội dung giải quyết vụ án nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo, Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Người bị kiện mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện UBND quận B và Chủ tịch UBND quận B.

- Giữ nguyên quyết định Bản án hành chính sơ thẩm:

Căn cứ vào Điểm b, Điểm c Khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206, Điều 213 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T.

2. Hủy bỏ phần I về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất của Bảng chiết tính giá trị bồi thường, hỗ trợ số 02/BBT ngày 13/01/2015 được đính kèm theo Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 19/01/2015 của Ủy ban nhân dân quận B.

Hủy bỏ Công văn số 713/BBT ngày 04/4/2017 của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận B.

Hủy bỏ Công văn số 112/UBND ngày 12/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B.

3. Buộc Ủy ban nhân dân quận B xem xét, giải quyết việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất theo quy định của pháp luật, đối với phần đất diện tích 252,4 m^2 thuộc thửa số 286, tờ bản đồ số 05 (theo tài liệu 02/CT-UB Bộ địa chính xã Bình Trị Đông), tương ứng một phần thửa số 51, tờ bản đồ số 32 (theo tài liệu đo năm 2005 Bộ địa chính phường Bình Trị Đông), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1472/QSDĐ/UB-BTĐ của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh (cũ) cấp ngày 06/6/1998, do ông Nguyễn Văn H ngụ tại số 32/153, đường Ông Ích Khiêm, Phường 14, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh sử dụng, bị thu

hồi theo Quyết định số 8489/QĐ-UBND ngày 29/6/2010 và Quyết định điều chỉnh thu hồi đất thổ vườn thành đất ao số 3370/QĐ-UBND ngày 24/2/2011của Ủy ban nhân dân quận B, để thực hiện dự án nâng cấp và mở rộng đường Hương Lộ 2 tại phường Bình Trị Đông và Bình Trị Đông A, quận B.

4. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Ủy ban nhân dân quận B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và nộp tại Cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả cho ông H bà T 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số AA/2018/00131183 ngày 04/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

III. Về án phí phúc thẩm: Uỷ ban nhân dân quận B và Chủ tịch UBND quận B mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0002145, 0002146 ngày 13/5/2022 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, xác nhận đã nộp đủ.

Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự (3);
- Lưu: HS, VP. (16)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Huyền Vân